

Số: /TTr-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản
(*thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản*)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thông báo số 9361/VPCP-NN ngày 22/12/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (*sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định*) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Về căn cứ pháp lý

a) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu: “Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển”. Đồng thời nhấn mạnh chủ trương “Nuôi trồng và khai thác hải sản: Chuyển từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường”. (2) Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; (3) Tăng cường quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục

hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển; (4) Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu bằng mức năm 2000”.

Để thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực Nghị quyết số 36-NQ/TW; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Điều 6 Luật Thủy sản năm 2017 quy định chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản, trong đó có quy định: (i) *Nhà nước có chính sách đầu tư đối với hoạt động:* Nghiên cứu, điều tra, đánh giá, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi hệ sinh thái thủy sinh; lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; Xây dựng cảng cá loại I, loại II, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển; hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống thủy sản tập trung; Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản; hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; (ii) *Nhà nước có chính sách hỗ trợ trong từng thời kỳ đối với hoạt động:* Phát triển khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong lĩnh vực tạo giống thủy sản; sản xuất sản phẩm thủy sản quốc gia, sản phẩm thủy sản chủ lực; sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; công nghệ chế biến phụ phẩm thành thực phẩm hoặc làm nguyên liệu cho ngành kinh tế khác; Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề trong hoạt động thủy sản; Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Xây dựng trung tâm nghề cá lớn; Mua bảo hiểm nuôi trồng thủy sản trên biển và hải đảo; bảo hiểm thuyền viên; bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị cho tàu cá khai thác thủy sản trên biển từ vùng khơi trở ra; Phát triển hoạt động thủy sản từ vùng khơi trở ra; khôi phục sản xuất khi có sự cố môi trường, thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ; Xây dựng thương hiệu sản phẩm quốc gia, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản; (iii) *Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho hoạt động:* Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình liên kết, hợp tác; Đầu tư công nghệ tiên tiến trong chế biến thủy sản để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng chợ đầu mối thủy sản, quảng bá thương hiệu sản phẩm thủy sản; Đầu tư nuôi trồng thủy sản trên biển; nuôi trồng thủy sản hữu cơ; Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản; truy xuất nguồn gốc thủy sản.

Để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nêu trên cần thiết phải xây dựng Nghị định về chính sách phát triển thủy sản.

2. Về yêu cầu thực tiễn

a) Yêu cầu từ quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP:

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 4 (khoá X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/ 2014 về một số chính sách phát triển thủy sản (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015, Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018).

Sau 07 năm triển khai thực hiện, các chính sách được Chính phủ quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đã phát huy hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo ngư dân. Mục tiêu hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được, số lượng tàu khai thác gần bờ giảm, số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng; tai nạn tàu cá giảm đáng kể; giá trị sản xuất thủy sản, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng; góp phần tích cực bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển; nhiều mô hình liên kết sản xuất trên biển đã hình thành và phát triển. Việc thực hiện chính sách phát triển thủy sản một cách hiệu quả đã giúp ngư dân tự tin vươn khơi bám biển, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cũng đã bộc lộ một số bất cập, khó khăn, vướng mắc cần thiết phải đánh giá, nghiên cứu tháo gỡ, cụ thể như sau:

- Về chính sách đầu tư: Đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá, hạ tầng nuôi trồng thủy sản chưa đạt được theo mục tiêu của Nghị định do nguồn vốn đầu tư cho xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nghề cá còn thiếu, việc cấp vốn dàn trải. Ngân sách bố trí để thực hiện chính sách này còn hạn chế, chủ yếu từ nguồn Ngân sách Trung ương.

- Về chính sách hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá:

+ Tổng dư nợ cho vay và dư nợ xấu ở mức cao.

+ Một số địa phương quá trình tham gia thực hiện còn thụ động, phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh, chủ tàu đủ điều kiện vay vốn đóng mới còn chưa đúng, chưa bám sát thực tế; chưa kịp thời nắm bắt thông tin để tháo gỡ vướng mắc cho người dân trong quá trình triển khai các chính sách của nhà nước dẫn đến hiệu quả thấp, tàu nằm bờ.

+ Tàu vỏ thép bị hư hỏng ngay sau khi các tàu vỏ thép xuất xưởng, bàn giao cho chủ tàu đưa tàu vào hoạt động sản xuất, tranh chấp giữa chủ tàu và nhà máy đóng tàu kéo dài đến cuối năm 2017.

+ Nhiều chủ tàu không thực hiện thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tàu cá, đặc biệt tàu vỏ thép theo quy trình, dẫn đến một số tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu.

+ Một số chủ tàu không đủ năng lực để quản lý, vận hành, khai thác tàu mới đóng quy mô lớn, hiện đại. Vì vậy, khi tàu đóng xong đi vào hoạt động đạt hiệu quả thấp.

+ Ngư dân muốn chuyển đổi nghề gặp nhiều khó khăn do không cho vay vốn bổ sung, nếu chuyển đổi nghề lại không được hỗ trợ lãi suất do thay đổi phương án sản xuất kinh doanh đã phê duyệt.

+ Công tác đào tạo cho ngư dân tại các địa phương khi đóng mới tàu vỏ thép chưa làm tốt để người dân có kiến thức giám sát quá trình đóng, vận hành, duy tu bảo dưỡng tàu một cách hiệu quả.

+ Các cơ sở sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép, vỏ composite còn ít và thường ở xa địa bàn sinh sống gây khó khăn cho ngư dân sửa chữa, bảo dưỡng tàu trong quá trình khai thác; Công tác xác nhận nguyên nhân và thiệt hại rủi ro do thiên tai, sự cố trên biển làm căn cứ bồi thường thiệt hại của các cơ quan chức năng còn chậm, ảnh hưởng tiến độ áp dụng các biện pháp xử lý nợ theo quy định.

+ Một số ngư dân có tư tưởng cho rằng đây là chính sách hỗ trợ bằng nguồn vốn của Nhà nước mà chưa hiểu đây là nguồn vốn ngư dân vay của Ngân hàng thương mại và phải chịu trách nhiệm về khoản vay này nên phát sinh hiện tượng ngư dân cố tình chây ỳ, không trả nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ.

- Về chính sách bảo hiểm: Tỷ lệ tàu cá và ngư dân tham gia chính sách bảo hiểm còn hạn chế; 04 doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính chỉ định bán bảo hiểm theo Nghị định từ cuối năm 2019 không thực hiện bán bảo hiểm cho ngư dân nên nhiều tàu cá không được hưởng chính sách hỗ trợ; Một số chủ tàu không tham gia mua bảo hiểm; không thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định dẫn đến rủi ro lớn về an toàn cho người, phương tiện khi hoạt động trên biển, ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn đầu tư và lãi suất theo quy định của các Ngân hàng.

- Về chính sách đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho thuyền viên đi trên tàu vỏ thép, vật liệu mới hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm còn rất thấp, mới đạt khoảng 10% so với yêu cầu thực tế;

b) Yêu cầu từ thực tiễn phát triển kinh tế biển và bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Bên cạnh một số chính sách đã được thực hiện tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, trong thời gian qua, thực tiễn phát triển kinh tế biển đã và đang đặt ra vấn đề nuôi biển. Nuôi trồng thủy sản biển tuy đã phát triển rộng rãi trên nhiều vùng của đất nước nhưng nghề nuôi biển Việt Nam mới ở trình độ thấp, tập trung chủ yếu ở khu vực ven bờ và đã bộc lộ một số bất cập như: Còn manh mún, nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng thiếu và yếu; việc cung cấp con giống, thức ăn, công

nghệ nuôi nhiều hạn chế; chưa hình thành được các chuỗi giá trị, chưa có thị trường ổn định; phải đối mặt với không ít những rủi ro về thiên tai, môi trường và dịch bệnh; nuôi biển ven bờ còn chồng lấn với các ngành khác như giao thông, du lịch,... dẫn đến phát triển chưa bền vững. Tuy nhiên, các chính sách để hỗ trợ phát triển nuôi biển chưa được quan tâm. Vì vậy, với mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển thì cần thiết Nhà nước xem xét có chính sách phát triển lĩnh vực này. Chính sách phát triển cho nuôi biển cũng đã được nêu tại Luật Thủy sản 2017.

Ngoài ra, chính sách về bảo tồn biển, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản chưa được quan tâm, trong khi đó áp lực suy giảm nguồn lợi thủy sản đang diễn ra với tốc độ nhanh, nguồn lợi thủy sản tại một số khu vực đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nếu không được bảo vệ và phát triển; nhiều hệ sinh thái biển đang bị suy thoái ở mức độ đáng báo động, nhiều loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Do đó, việc ban hành chính sách hỗ trợ, đầu tư cho lĩnh vực bảo tồn biển, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản là hết sức cần thiết, chính sách được phê duyệt sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương triển khai các chương trình bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, tạo điều kiện để các Ban quản lý khu bảo tồn biển thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao tại Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; nâng cao hiệu quả quản lý đa dạng sinh học biển, góp phần bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản biển.

Từ căn cứ pháp lý, thực tiễn nêu trên, ngày 22/12/2021, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 9361/VPCP-NN đồng ý giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

a) Thể chế hóa chủ trương phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn 2045 nhằm thúc đẩy phát triển thủy sản xứng với tiềm năng, lợi thế của Việt Nam và phát triển bền vững.

b) Hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ khung pháp lý về chính sách phát triển thủy sản đã được giao tại Điều 6 Luật Thủy sản.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng bộ trong hệ thống pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm phù hợp với quan điểm, định hướng, quy định tại Luật Thủy sản và Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền

vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực Nghị quyết số 36-NQ/TW và Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phù hợp với điều ước, cam kết quốc tế.

c) Xây dựng Nghị định trên cơ sở rà soát, đánh giá các chính sách hiện tại hỗ trợ cho phát triển thủy sản để tiếp tục quy định các chính sách đã phát huy hiệu quả trong quá trình thực hiện; quy định các chính sách mới nhằm tạo được cơ chế, chính sách đặc thù, có tính đột phá cho phát triển thủy sản bền vững; gắn phát triển khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản với bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển; đồng thời góp phần giải quyết những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động thủy sản.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định (Quyết định số 1519/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/4/2020).

2. Ngày 11/6/2021, Bộ đã ban hành Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản. Đã thực hiện rà soát các văn bản, các chính sách có liên quan đến lĩnh vực thủy sản làm cơ sở để xây dựng chính sách.

3. Ngày 18/6/2021, Bộ đã ban hành Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS gửi Thủ tướng Chính phủ về đề nghị xây dựng nghị định.

4. Ngày 16/8/2021, Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành về việc hoàn thiện Hồ sơ trình đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 67/NĐ-CP (công văn số 5619/VPCP-NN ngày 16/8/2021).

5. Ngày 09/12/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Báo cáo tiếp thu hoàn thiện đề xuất xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP (văn bản số 8335/BNN-TCTS).

6. Ngày 22/12/2021 Văn phòng Chính phủ có Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại văn bản số 9361/VPCP-NN ngày 22/12/2021 về việc đồng ý giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (*thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014*); trình Chính phủ vào đầu quý IV năm 2022.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã dự thảo nội dung, tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập. Xây dựng hồ sơ theo quy định tại Điều 93 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

8. Đăng tải trên website của Chính phủ (văn bản số 2840/BNN-TCTS ngày 09/5/2022), của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, của Tổng cục Thủy sản; Gửi xin ý kiến các Bộ, Ngành, địa phương và cơ quan hữu quan, hội, hiệp hội (văn bản số 2847/BNN-TCTS ngày 09/5/2022); Xin ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 709/TCTS-NTTS ngày 11/5/2022).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 79 ý kiến của: 12 Bộ, ngành (Công An, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Giao thông Vận tải; Ngoại giao, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính, Nội Vụ, Lao động TB&XH, Tư Pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng NN Việt Nam); 22 UBND các tỉnh (An Giang; Bạc Liêu; Bến Tre; Bình Định; Bình Phước; Bình Thuận; Cà Mau; Cao Bằng; Đắk Lắk; Gia Lai; Hải Phòng; Hoà Bình; Thừa Thiên Huế; Kiên Giang; Lạng Sơn; Long An; Nghệ An; Sóc Trăng; Tây Ninh; Thanh Hoá; Đà Nẵng; Vĩnh Long); 38 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (38 Sở NNPTNT gồm: Bắc Giang, Bắc Kan; Bắc Ninh; Bình Dương; BQL Cồn cỏ - Quảng Trị; Cà Mau; Cần Thơ; Đắk Nông; Điện Biên; Đồng Nai; Đồng Tháp; Hà Giang; Hà Tĩnh; Hải Dương; Hậu Giang; Hưng Yên; Khánh Hoà; Lai Châu; Lâm Đồng; Lao Cai; Long An; Nam Định; Ninh Bình; Phú Thọ; Phú Yên; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Quảng Ninh; Quảng Trị; Sơn La; Thái Nguyên; Tiền Giang; TP Hồ Chí Minh; Trà Vinh; Tuyên Quang; Yên Bái; Thái Bình; Hoà Bình); 04 cơ quan thuộc Bộ NNPTNT gồm (Cục Thú Y; Văn phòng Bộ; Vụ Kế hoạch; Vụ Pháp chế); 03 Hiệp hội, doanh nghiệp (Hiệp hội nuôi biển Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn super Trường Phát).

Ngày 26/7/2022, Công thông tin điện tử Chính phủ có văn bản số 563/TTĐT-DLĐT thông báo sau 60 ngày đăng tải, Công thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo.

9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

10. Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

11. Tiếp thu, hoàn thiện ý kiến thẩm định Bộ tư pháp và trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Bố cục dự thảo Nghị định được xây dựng theo đúng Mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 21 Điều, chi tiết như sau: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Giải thích thuật ngữ; Điều 4. Nguyên tắc thực hiện; Điều 5. Chính sách đầu tư; Điều 6. Cơ cấu lại thời

hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; Điều 7. Cơ chế chuyển nhượng tàu cá; Điều 8. Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư; Điều 9. Chính sách bảo hiểm; Điều 10. Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Điều 11. Chính sách hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; Điều 12. Chính sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Điều 13. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển; Điều 14. Lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách; Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành; Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Điều 17. Trách nhiệm của các Hội, Hiệp hội thủy sản; Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan; Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp; Điều 20. Hiệu lực thi hành; Điều 21. Trách nhiệm thi hành; 06 phụ lục: các mẫu Đơn, Danh sách lao động, Bảng kê, Cam kết.

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định

- Các vấn đề mới (2 nhóm nội dung lớn) gồm:

+ Về nuôi trồng thủy sản trên biển: Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển; Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn nuôi trồng thủy sản; Đầu tư Hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ Về bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản: Chính sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển;

- Sửa đổi, bổ sung 06 nội dung gồm: (1) Làm rõ, chi tiết các hạng mục thiết yếu cụ thể trong đầu tư; (2) Bổ sung đối tượng là lao động, tài sản của cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển sản xuất, ương dưỡng giống cá biển và, thủy sản nuôi trồng thủy sản trên biển vào chính sách hỗ trợ bảo hiểm, đào tạo; (3) Cơ chế xử lý khoản vay, khoản nợ, chuyển đổi tàu cá (gồm: *Làm rõ việc xử lý đối với các khoản cho vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và chuyển đổi chủ tàu để cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; Làm rõ đối tượng, cơ chế trong chuyển nhượng tàu cá được đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67*); (4) Chuyển từ hỗ trợ theo thực tế sang hỗ trợ một lần đối với chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép; (5) Đưa trình tự, thủ tục vào Nghị định; (6) Bổ sung 06 phụ lục các mẫu Đơn, Danh sách lao động, Bảng kê, Cam kết.

- Đưa ra khỏi Nghị định 01 nội dung về Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với đóng tàu.

- Nội dung: Dự thảo chi tiết kèm theo.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định

a) Kinh phí xây dựng Nghị định: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính. Năm tài chính thực hiện chỉ là năm 2022.

b) Kinh phí triển khai thực hiện Nghị định:

* Tuyên truyền, phổ biến Nghị định sau khi Nghị định được ban hành, dự kiến chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định gồm in ấn, hội nghị, hội thảo giới thiệu, phổ biến Nghị định. Trong đó, bao gồm cả Ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân có tham gia hỗ trợ.

* Kinh phí cho việc thực hiện các chính sách thủy sản:

Tổng nhu cầu kinh phí từ ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện Nghị định là 43.365 tỷ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: 6.100 tỷ đồng:
- + Kinh phí cho đầu tư: 1.720 tỷ
- + Hỗ trợ 01 lần sau đầu tư cho nuôi biển: 4.300 tỷ
- + Hỗ trợ bảo hiểm: 80 tỷ
- Kinh phí hỗ trợ khai thác: 36.415 tỷ:
- + Tiếp tục hỗ trợ lãi suất vay đồng mới nâng cấp tàu cá: 2.800 tỷ
- + Hỗ trợ đào tạo thuyền viên: 21 tỷ
- + Hỗ trợ bảo hiểm: 3.675 tỷ
- + Hỗ trợ một lần sau đầu tư chi phí duy tu sửa chữa tàu thép: 700 tỷ
- + Đầu tư cho cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão (Theo QĐ 1976/QĐ-TTg): 28.000 tỷ
- Kinh phí hỗ trợ bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản: 1.050 tỷ:
- + Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển: 500 tỷ.
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ dân sống trong khu bảo tồn biển: 200 tỷ.
- + Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản: khoảng 350 tỷ.

Tổng nhu cầu nguồn lực đầu tư lĩnh vực thủy sản thực hiện các chính sách đầu tư theo Nghị định đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Chiến lược phát triển thủy sản đến 2030, quy hoạch cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão đến 2030, quy hoạch bảo tồn và khai thác nguồn lợi thủy sản đến 2030, các Chương trình quốc gia, chương trình, đề án phát triển lĩnh vực thủy sản đến 2030 ước khoảng 46.000 tỷ đồng, trong đó:

- Dự kiến nguồn lực đầu tư lĩnh vực thủy sản trong giai đoạn 2021-2025: 23.000 tỷ đồng, bao gồm: (i) Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý khoảng 11.000 tỷ đồng, gấp 2 lần giai đoạn 2016-2020 (bao gồm: Vốn NSTW cấp trực tiếp khoảng 5.000 tỷ đồng; vốn vay của ngân hàng thế giới khoảng 6.000 tỷ đồng); (ii) Địa phương quản lý khoảng 12.000 tỷ đồng (gấp khoảng 1,5 lần giai đoạn 2016-2020).

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030 bằng với giai đoạn 2021-2025.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, cơ quan tổ chức khác như Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội...chuẩn bị các điều kiện về nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị định.

2. Lồng ghép bình đẳng giới

Trong quá trình tổ chức, thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bình đẳng giới và các quy định có liên quan tại Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 15/7/2009 của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Một là, bảo đảm sự tham gia của đại diện cơ quan có liên quan, sự tham gia của cán bộ nữ giới trong thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập và trong quá trình xây dựng, tham vấn, lấy ý kiến để hoàn thiện Dự thảo Nghị định.

Hai là, quan tâm đến các vấn đề giới trong các nội dung quy định, đề xuất các quy định thiết thực nhằm bảo đảm, tăng cường sự tham gia chủ động của mỗi giới trong dự thảo Nghị định.

Ba là, bảo đảm các vấn đề bình đẳng giới trong quá trình đánh giá tác động chính sách; các nội dung đánh giá tác động chính sách đều quan tâm đến nội dung về giới.

Theo đó, việc xây dựng các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các quy định chung, không phân biệt giới.

Trong dự thảo Nghị định không có quy định làm phát sinh sự bất bình đẳng giới giữa nam và nữ; giữa tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động thủy sản.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản; (2) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (3) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (4) Báo cáo về rà soát văn bản các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; (6) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; (7) Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến